

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 2025

| STT       |  | Khách hàng                          | Ngày làm TB | Số TB     | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện     | Loại than | SL làm TB             | SL thực rút           | SL còn lại           | Ngày xong | Mục đích sử dụng |                                                 |
|-----------|--|-------------------------------------|-------------|-----------|-----------------|---------------------|-----------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------|------------------|-------------------------------------------------|
|           |  | <b>TỔNG CỘNG</b>                    |             |           |                 |                     |           | <b>339 332</b>        | <b>181 692</b>        | <b>143 792</b>       |           |                  |                                                 |
| <b>I</b>  |  | <b><u>CẢNG CHÍNH</u></b>            |             |           |                 |                     |           | <b><u>35 662</u></b>  | <b><u>26 186</u></b>  | <b><u>9 477</u></b>  |           |                  |                                                 |
|           |  | <i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>  |             |           |                 |                     |           | <b>27 430</b>         | <b>26 186</b>         | <b>1 245</b>         |           |                  |                                                 |
| 1         |  | ĐẠM HÀ BẮC                          | 17/11       | 1393/11   | 30/11           | TD 68-TT            | CẨM 4A.1  | 2 270                 | 2 260                 | 10                   | 17/11     | HỘ LỎN           | MỐN: 2.250,18                                   |
| 2         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 1                     | 13/11       | 1388/11   | 30/11           | HẢI NAM 88          | CẨM 6A.1  | 23 000                | 22 034                | 966                  | RÓT DỖ    | HỘ LỎN           |                                                 |
| 3         |  | TTC                                 | 17/11       | 209/11    | 24/11           | HN 2089             | CỤC 4A.1  | 1 250                 | 1 243                 | 7                    | 17/11     | TD               |                                                 |
| 4         |  | DVVT QN                             | 16/11       | 120/11    | 23/11           | BN 1135             | CỤC XỎ 1C | 910                   | 649                   | 261                  | RÓT DỖ    | TD               | GIA HẠN L1                                      |
|           |  | <i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>  |             |           |                 |                     |           | <b>8 232</b>          |                       | <b>8 232</b>         |           |                  |                                                 |
| 1         |  | ĐẠM HÀ BẮC                          | 11/11       | 1384/11   | 26/11           | QN 4320             | CẨM 4A.1  | 1 700                 |                       | 1 700                |           | HỘ LỎN           |                                                 |
| 2         |  | ĐẠM HÀ BẮC                          | 11/11       | 1385/11   | 26/11           | 1 TD 12             | CẨM 4A.1  | 2 392                 |                       | 2 392                |           | HỘ LỎN           |                                                 |
| 3         |  | CROMIT                              | 11/11       | 132/11    | 18/11           | BN 1826             | CỤC XỎ 1C | 1 000                 |                       | 1 000                |           | TD               |                                                 |
| 4         |  | CP ĐTTM&DV                          | 12/11       | 148/11    | 19/11           | BN 1468             | CỤC XỎ 1C | 1 040                 |                       | 1 040                |           | TD               |                                                 |
| 5         |  | CP ĐTTM&DV                          | 12/11       | 150/11    | 19/11           | BN 0718             | CỤC XỎ 1C | 1 070                 |                       | 1 070                |           | TD               |                                                 |
| 6         |  | ĐTTM&DV                             | 16/11       | 130/11    | 23/11           | HD 2225             | CỤC XỎ 1C | 1 030                 |                       | 1 030                |           | TD               | GIA HẠN L1                                      |
|           |  | <b><u>Tàu chuyển tải</u></b>        |             |           |                 |                     |           | <b><u>140 300</u></b> | <b><u>100 891</u></b> | <b><u>39 409</u></b> |           |                  |                                                 |
|           |  | <i>Tàu đang làm hàng</i>            |             |           |                 |                     |           | <b>140 300</b>        | <b>100 891</b>        | <b>39 409</b>        |           |                  |                                                 |
| 1         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 2                     | 10/11       | 1381/11   |                 | TRƯỜNG NGUYỄN STAR  | CẨM 6A.14 | 23 300                | 23 141                | 159                  | 18/11     | HỘ LỎN           | KDTC: 7.954,14 - CLM: 9.929,54 - KVCP: 5.257,64 |
| 2         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 2                     | 10/11       | 1379/11   |                 | VIỆT THUẬN 30-05    | CẨM 6A.14 | 29 500                | 27 579                | 1 921                | RÓT DỖ    | HỘ LỎN           | KDTC: 10.000 - CLM: 10.000 - KVCP: 9.500        |
| 3         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 1                     | 10/11       | 1380/11   |                 | TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN | CẨM 6A.1  | 23 300                | 11 409                | 11 891               | RÓT DỖ    | HỘ LỎN           | TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300                      |
| 4         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 1                     | 14/11       | 1387-B/11 |                 | VIỆT THUẬN STAR     | CẨM 6A.1  | 40 600                | 26 746                | 13 854               | RÓT DỖ    | HỘ LỎN           | TTCO: 22.557,25 - KVCP: 5.000 - TTHG: 13.000    |
| 5         |  | ĐIỆN DUYÊN HẢI                      | 11/11       | 1383/11   |                 | VIỆT THUẬN 26-01    | CẨM 5B.14 | 23 600                | 12 015                | 11 585               | RÓT DỖ    | HỘ LỎN           | TTHG: 11.600 - KDTC: 12.000                     |
|           |  | <i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i> |             |           |                 |                     |           |                       |                       |                      |           |                  |                                                 |
| <b>II</b> |  | <b><u>KHO G9-HÓA CHẤT</u></b>       |             |           |                 |                     |           | <b><u>41 674</u></b>  | <b><u>14 777</u></b>  | <b><u>26 897</u></b> |           |                  |                                                 |
|           |  | <i>Tàu đã làm hàng</i>              |             |           |                 |                     |           | <b>16 615</b>         | <b>14 777</b>         | <b>1 838</b>         |           |                  |                                                 |
| 1         |  | CROMIT CĐ                           | 16/11       | 200       | 23/11           | KHÁNH MINH 68       | CẨM 7C    | 2 660                 | 2 588                 | 72                   | 17/11     | PT CB            | ĐN - CS                                         |
| 2         |  | NINH BÌNH                           | 14/11       | 176       | 28/11           | HP 5286             | CẨM 7B    | 2 970                 | 2 962                 | 8                    | 17/11     | PT CB            | CAO SƠN                                         |
| 3         |  | NINH BÌNH                           | 15/11       | 182       | 22/11           | BN - 2882           | CẨM 7B    | 2 535                 | 2 494                 | 41                   | 17/11     | PT CB            | CAO SƠN                                         |
| 4         |  | NINH BÌNH                           | 16/11       | 195       | 23/11           | BN - 2005           | CẨM 8A    | 1 500                 | 1 492                 | 8                    | 17/11     | TD               | CAO SƠN                                         |
| 5         |  | COALIMEX                            | 16/11       | 201       | 23/11           | BN - 2519           | CẨM 8A    | 1 000                 | 983                   | 17                   | 17/11     | TD               | ĐN - CS                                         |
| 6         |  | CẦU ĐUÔNG                           | 14/11       | 170       | 21/11           | BN 1997             | CỤC 1B    | 1 100                 | 1 093                 | 7                    | 17/11     | TD               | THỐNG NHẤT                                      |
| 7         |  | MIỀN BẮC                            | 17/11       | 206       | 24/11           | NB - 6255           | CẨM 7C    | 1 000                 | 994                   | 6                    | 17/11     | TD               | ĐN - CS                                         |
| 8         |  | MIỀN TRUNG                          | 13/11       | 1 183     | 20/11           | THÀNH AN 45         | CẨM 7A    | 1 000                 | 552                   | 448                  | dỡ        | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L2                            |

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 2025

| STT |  | Khách hàng                                        | Ngày làm TB | Số TB | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện            | Loại than | SL làm TB | SL thực rút | SL còn lại | Ngày xong | Mục đích sử dụng |                      |
|-----|--|---------------------------------------------------|-------------|-------|-----------------|----------------------------|-----------|-----------|-------------|------------|-----------|------------------|----------------------|
| 9   |  | MIỀN TRUNG                                        | 13/11       | 1 183 | 20/11           | THÀNH AN 45                | CỤC 1B    | 950       | 690         | 260        | dở        | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L2 |
| 10  |  | CP DVVT QUẢNG NINH                                | 16/11       | 199   | 23/11           | HD - 2095                  | CẨM 8A    | 1 900     | 929         | 971        | dở        | TD               | CAO SƠN              |
|     |  | Tàu đã làm lệnh                                   |             |       |                 |                            |           | 25 059    |             | 25 059     |           |                  |                      |
| 1   |  | CP VT&KD THAN                                     | 17/11       | 42    | 24/11           | BN - 0869                  | CỤC 1A    | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L2 |
| 2   |  | CP VT THUỶ                                        | 13/11       | 82    | 20/11           | BN - 1626                  | CỤC 1A    | 917       |             | 917        |           | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1 |
| 3   |  | CP HÀNG HẢI VN                                    | 13/11       | 85    | 20/11           | BN - 0962                  | CỤC 1B    | 1 164     |             | 1 164      |           | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1 |
| 4   |  | CP DVVT QUẢNG NINH                                | 14/11       | 89    | 21/11           | BN - 2611                  | CỤC 1B    | 1 050     |             | 1 050      |           | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1 |
| 5   |  | CP SXTM THAN UÔNG BÍ                              | 14/11       | 98    | 21/11           | BN - 2056                  | CỤC 1B    | 1 072     |             | 1 072      |           | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1 |
| 6   |  | HÀ NAM NINH                                       | 13/11       | 159   | 20/11           | BN - 2012                  | CẨM 8A    | 1 972     |             | 1 972      |           | TD               | CAO SƠN              |
| 7   |  | MIỀN BẮC                                          | 14/11       | 172   | 21/11           | BN 2662                    | CẨM 7A    | 1 950     |             | 1 950      |           | TD               | ĐN - CS              |
| 8   |  | CP DVVT QUẢNG NINH                                | 15/11       | 188   | 22/11           | BN - 1962                  | CỤC 1A    | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               | ĐN - CS              |
| 9   |  | CP ĐTTM&DV                                        | 15/11       | 189   | 22/11           | BN - 2567                  | CẨM 8A    | 1 790     |             | 1 790      |           | TD               | ĐN - CS              |
| 10  |  | CẦU ĐUÔNG                                         | 16/11       | 196   | 23/11           | HN - 2187                  | CẨM 7A    | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               | ĐN - CS              |
| 11  |  | HÀ NỘI                                            | 16/11       | 198   | 23/11           | BN - 2397                  | CỤC 1A    | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               | ĐN - CS              |
| 12  |  | SÔNG HỒNG                                         | 17/11       | 202   | 24/11           | BN - 1809                  | CẨM 7C    | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               | CAO SƠN              |
| 13  |  | CP SXKD KS DV TNV HẢI DƯƠNG                       | 17/11       | 203   | 24/11           | HP - 4358                  | CẨM 8A    | 771       |             | 771        |           | TD               | ĐN - CS              |
| 14  |  | CTY TNHH TRƯỜNG ANH 888                           | 17/11       | 204   | 24/11           | BN - 2158                  | CẨM 7C    | 1 538     |             | 1 538      |           | TD               | CAO SƠN              |
| 15  |  | CP VT THUỶ                                        | 17/11       | 205   | 24/11           | BN - 2308                  | CẨM 7C    | 1 650     |             | 1 650      |           | TD               | CAO SƠN              |
| 16  |  | CP HÀNG HẢI VN                                    | 17/11       | 207   | 24/11           | HD 9699                    | CẨM 7C    | 1 970     |             | 1 970      |           | TD               | CAO SƠN              |
| 17  |  | CP SXKD KS DV TNV HẢI DƯƠNG                       | 17/11       | 208   | 24/11           | BN - 1988                  | CẨM 8A    | 1 415     |             | 1 415      |           | TD               | ĐN - CS              |
| 18  |  | CP DVVT QUẢNG NINH                                | 17/11       | 211   | 24/11           | BN - 2366                  | CẨM 8A    | 1 800     |             | 1 800      |           | TD               | CAO SƠN              |
| 19  |  | CP ĐTTM&DV                                        | 17/11       | 212   | 24/11           | BN - 1336                  | CẨM 8A    | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               | ĐN - CS              |
| III |  | KHO BẢO NGUYỄN                                    |             |       |                 |                            |           | -         | -           | -          |           |                  |                      |
|     |  | Tàu đã làm hàng                                   |             |       |                 |                            |           |           |             |            |           |                  |                      |
|     |  | Tàu đã làm lệnh                                   |             |       |                 |                            |           |           |             |            |           |                  |                      |
| IV  |  | KHO CẢNG KM6                                      |             |       |                 |                            |           | 13 848    | 8 802       | 5 046      |           |                  |                      |
|     |  | Tàu đã làm hàng                                   |             |       |                 |                            |           | 8 854     | 6 310       | 2 544      |           |                  |                      |
| 1   |  | CHUYỂN TẢI ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (TRƯỜNG NGUYỄN VĂN ĐÀ) | 16/11       | 248   | 26/11           | CẨM PHẢ 21                 | CẨM 6A.1  | 3 860     | 3 818       | 42         | 17/11     |                  |                      |
| 2   |  | CHUYỂN TẢI ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (VIỆT THUẬN THỌ)       | 17/11       | 252   | 27/11           | VIỆT THUẬN TĐ 15 (QN 8371) | CẨM 6A.1  | 4 994     | 2 492       | 2 502      | RÓT DỖ    |                  |                      |
|     |  | Tàu đã làm lệnh                                   |             |       |                 |                            |           | 12 655    |             | 12 655     |           |                  |                      |
| 1   |  | KDT MIỀN BẮC                                      | 16/11       | 191   | 26/11           | BN 2728                    | CẨM 6B.1  | 2 585     |             | 2 585      |           | PTCB             |                      |
| 2   |  | CBT QUẢNG NINH                                    | 17/11       | 213   | 30/11           | QN 7583                    | CẨM 6A.1  | 3 490     |             | 3 490      |           | PTCB             |                      |

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ**

NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 2025

[illegible]